

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGÃ NĂM
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2024/HS-ST
Ngày 23-7-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Vàng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đàm Thanh Vũ

Bà Trần Thị Mỹ Xuân

- Thư ký phiên tòa: Bà Thạch Thị Diễm Trinh, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Lâm Sà Phương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 20/2024/TLST-HS ngày 11 tháng 6 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2024/QĐXXST-HS, ngày 08 tháng 7 năm 2024, đối với các bị cáo:

1/ Trần T, sinh ngày 01/01/1982 (tên gọi khác: C), tại huyện G, tỉnh Kiên Giang; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu phố E, thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Không nghề nghiệp; trình độ văn hóa: Lớp 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần B và bà Đỗ H; có vợ và 01 con; Tiền sự: Không; Tiền án: 04 tiền án gồm:

+ Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 278/2002/HSST ngày 19/11/2002 của TAND tỉnh Cần Thơ (nay là TAND thành phố Cần Thơ) xử phạt 04 năm 10 tháng tù giam về tội cướp giật tài sản, Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, chấp hành xong ngày 15/5/2007. Chưa xóa án tích.

+ Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 96/2008/HSST ngày 04/4/2008 TAND quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm tù về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, chấp hành xong ngày 03/10/2008, chưa xóa án tích.

+ Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 55/2014/HSST ngày 24/7/2014 TAND quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ xử phạt 07 năm tù về tội Vận chuyển trái phép chất ma túy, chấp hành xong ngày 31/8/2020. Chưa xóa án tích.

+ Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 23/2023/HSST ngày 26/5/2023 TAND huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang xử phạt 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, chấp hành án xong ngày 27/9/2023. Chưa xóa án tích.

Nhân thân: Có án tích; Bị cáo bị tạm giam từ ngày 01/4/2024 đến nay (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

2/ **Trần M**, sinh ngày 01/01/1996 (tên gọi khác B), tại huyện M, tỉnh Sóc Trăng; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp A, xã L, huyện M, tỉnh Sóc Trăng; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần S và bà Trần H; sống chung với nhau như vợ chồng với bà Nguyễn H và có 01 con; Tiền án: có 01 tiền án ngày 27/11/2018 bị TAND huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng xử phạt 04 năm tù giam về tội Trộm cắp tài sản, chấp hành án xong ngày 30/4/2021; Tiền sự: Không; Nhân thân: Có án tích; Bị cáo bị tạm giam từ ngày 01/4/2024 đến nay (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- *Bị hại*: Ông Trần K, sinh ngày 06/06/1995 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*:

Bà Nguyễn H, sinh năm 1992 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã H, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

- *Người tham gia tố tụng khác*: Người làm chứng

1. Trần Đ, sinh năm 1990 (Vắng mặt)

2. Trần U, sinh năm 1967 (Vắng mặt)

3. Đặng P, sinh năm 1965 (Có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Trần T và bị cáo Trần M có quen biết nhau từ trước, vào chiều ngày 27/3/2024 bị cáo T điều khiển xe mô tô, loại HONDA, hiệu Vision, biển kiểm soát 95B1-841.31 chở bị cáo M đi chơi đến khu vực thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Đến khoảng 23 giờ 30 cùng ngày thì về, khi đi về bị cáo M điều khiển xe chở bị cáo T đi về hướng xã V, huyện V, tỉnh Bạc Liêu. Trên đường đi, bị cáo T rủ bị cáo M tìm nhà nào sơ hở, không khóa cửa vào tìm tài sản lấy trộm thì bị cáo M đồng ý. Khoảng 01 giờ 30 phút ngày 28/3/2024 thì bị cáo M điều khiển xe chở bị cáo T đi đến nhà của ông Trần K địa chỉ ấp A, xã M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng, bị cáo T thấy nhà ông K không khóa cửa sau, nên bị cáo T kêu bị cáo M dừng xe lại cho bị cáo T xuống xe đi vô kiểm tài sản lấy trộm, còn bị cáo M thì đậu xe ngoài lộ cách nhà bị hại K khoảng 200m đơi. Bị cáo T đi vào trong nhà phát hiện bị hại K đang nằm ngủ trong mùng, trên giường ngủ có để điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A04S đang sạc nên bị cáo T dùng lưới lam rách mùng và đưa tay vào rút dây sạc rồi dùng tay trái lấy điện thoại di động bỏ vô túi quần phía sau bên trái đang mặc. Lúc này, bị hại K thức dậy, phát hiện

nên truy hô thì bị cáo T bỏ chạy, bị hại K cùng với anh ruột là ông Trần Đ đuổi theo đến nhà ông Đặng P thì bắt giữ được bị cáo T cùng tang vật là điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A04S. Sau đó bị hại K trình báo Công an xã M. Cùng thời điểm này, khi biết bị cáo T bị phát hiện thì bị cáo M đã điều khiển xe bỏ chạy thoát. Sau khi bị công an thị xã Ngã Năm mời làm việc thì bị cáo M đã đầu thú hành vi cùng bị cáo T tìm tài sản trộm.

Căn cứ kết luận định giá tài sản số: 17/KL-HĐĐG ngày 29/3/2024 của Hội đồng định giá trong Tổ tụng hình sự thị xã N kết luận: Giá trị tài sản là điện thoại di động, hiệu sam sung Galaxy A04S bị mất trộm ngày 28/3/2024 có giá trị là 3.054.000đ (Ba triệu, không trăm năm mươi bốn nghìn đồng).

Tại Cáo trạng số: 27/CT-VKSNN, ngày 10/6/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm quyết định truy tố ra trước Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm để xét xử bị cáo Trần T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự (BLHS) năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và xét xử bị cáo Trần M về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tại phiên tòa Kiểm sát viên giữ nguyên Quyết định truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm h, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50 của BLHS năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Trần T mức hình phạt từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù và áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 50 của BLHS năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Trần M mức hình phạt từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Do tài sản đã nhận lại xong, bị hại anh Trần K không yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại gì thêm nên đề nghị HĐXX không đặt ra xem xét.

Về vật chứng của vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106, Điều 47 Bộ luật hình sự tịch thu tiêu hủy 01 kiếm cộng lực, màu vàng đen, hiệu COROLLA.

Đối với số tiền thu giữ của bị cáo Trần T là 12.278.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu SAMSUNG Galaxy S9, đã qua sử dụng; 01 ví da màu đen; bị cáo T khai là tiền và ví da của cá nhân của bị cáo, điện thoại không dùng vào việc trộm cắp nên đề nghị HĐXX áp dụng điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tổ tụng hình sự hoàn trả cho bị cáo T.

Đối với số tiền thu giữ của bị cáo Trần M 1.320.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Iphone X, màu đen, đã qua sử dụng, bị cáo M khai là tiền cá nhân của bị cáo và điện thoại không dùng vào việc trộm cắp nên đề nghị HĐXX áp dụng điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tổ tụng hình sự hoàn trả cho bị cáo M.

Tại phiên tòa, các bị cáo T và M đều thừa nhận hành vi phạm tội của các bị cáo theo như Cáo trạng cũng như lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

Các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt thấp cho các bị cáo để các bị cáo sớm về với gia đình làm lại cuộc đời.

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị hại anh Trần K trình bày: về trách nhiệm hình sự đề nghị xử lý theo quy định, còn về trách nhiệm dân sự bị hại đã nhận lại được tài sản nên không yêu cầu gì. Đồng thời, xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án bà Nguyễn H và người làm chứng anh Trần Đ, ông Trần U vắng mặt lần thứ nhất, họ đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không rõ lý do. Xét thấy, tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo, bị hại và đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm đều đề nghị xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng vì việc vắng mặt những người này không gây cản trở cho việc xét xử. Do đó HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 292 và khoản 1 Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (BLTTHS) tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[2] Về tính hợp pháp của các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố, Điều tra viên và Kiểm sát viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của mình theo quy định; đã chứng minh đầy đủ các vấn đề cần phải chứng minh trong vụ án hình sự; tiến hành các biện pháp thu thập chứng cứ đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo và những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Xét thấy, lời trình bày và khai nhận của các bị cáo Trần T và Trần M tại phiên tòa hôm nay là phù hợp với lời khai của các bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, những người làm chứng tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, biên bản hiện trường, kết luận định giá tài sản và các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận rằng bị cáo T và bị cáo M cùng nhau thống nhất tìm nhà nào có sơ hở thì vào lấy trộm tài sản. Khoảng 01 giờ 30 phút ngày 28/3/2024 tại nhà ông Trần K địa chỉ ấp A, xã Mới, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng, các bị cáo T và bị cáo M đã cùng nhau lợi dụng lúc chủ sở hữu tài sản sơ hở, các bị cáo đã có hành vi cùng nhau lén lút thực hiện trộm cắp tài sản của anh Trần K một điện thoại di động, hiệu sam sung Galaxy A04S, trị giá tài sản bị chiếm đoạt là 3.054.000 đồng (Ba triệu, không trăm năm mươi bốn nghìn đồng). Đã có đủ cơ sở kết luận hành vi của các bị cáo T và M đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Quá trình điều tra xác định bị cáo T có bốn tiền án chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này

thuộc tình tiết định khung tăng nặng tái phạm nguy hiểm tại điểm g khoản 2 Điều 173 BLHS năm 2015; còn đối với bị cáo M có 01 tiền án chưa được xóa án tích về tội trộm cắp tài sản nên lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm với tình tiết tăng nặng được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của BLHS năm 2015. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm đã truy tố bị cáo T theo điểm g khoản 2 Điều 173 của BLHS năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và truy tố bị cáo M theo khoản 1 Điều 173 BLHS năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[4] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: Xét tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, tác động xấu đến trật tự trị an tại địa phương. Khi thực hiện hành vi, các bị cáo đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, có khả năng nhận thức và điều khiển được hành vi của mình. Các bị cáo có tư tưởng hưởng thụ, muốn chiếm đoạt tài sản của người khác để tiêu xài mà không cần bỏ ra sức lao động nên các bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội, bất chấp sự trừng trị của pháp luật. Các bị cáo từng bị xử án với hình phạt tù về tội chiếm đoạt, tội trộm cắp nhưng vẫn chưa nhận thức được hậu quả về hành vi của mình sau khoảng thời gian chấp hành án. Do đó, cần xử phạt các bị cáo một mức án nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, cách ly các bị cáo với đời sống xã hội một thời gian nhằm răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội. Tuy nhiên, cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo nhằm thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[5] Xét về vai trò của các bị cáo: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn. Bị cáo T nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của người khác đã chủ động rủ ghê bị cáo M cùng nhau thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, tham gia với vai trò là người thực hành; Bị cáo M tham gia với vai trò người giúp sức. Tuy nhiên, bị cáo T là người khởi xướng, rủ ghê bị cáo M cùng nhau thực hiện hành vi trộm cắp tài sản và có bốn tiền án chưa được xóa án tích nên hình phạt của bị cáo T sẽ chịu cao hơn hình phạt của bị cáo M.

[6] Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo:

[6.1] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo T không có tình tiết tăng nặng; Bị cáo M ngày 27/11/2018 bị TAND huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng xử phạt 04 năm tù giam về tội Trộm cắp tài sản, chấp hành án xong ngày 30/4/2021, chưa được xóa án tích. Đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung.

[6.2] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trước khi phạm tội các bị cáo T và M không có tiền sự; Sau khi phạm tội các bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội và tỏ ra biết ăn năn hối cải; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; bị cáo T có ông ngoại là liệt sĩ; bị cáo M đầu thú. Bị hại phát hiện bị

trộm điện thoại và đã nhận lại được tài sản ngay nên chưa gây ra thiệt hại, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung.

[7] Về trách nhiệm dân sự: bị hại K đã nhận lại được tài sản bị mất trộm và không yêu cầu bồi thường gì thêm nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[8] Về xử lý vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an thị xã Ngã Năm đã ra quyết định xử lý vật chứng trả cho bị hại anh K và trả lại chiếc xe cho chủ sở hữu là đúng quy định không có ai khiếu nại gì nên HĐXX không đặt ra xem xét. Còn về 01 chiếc đồng hồ màu vàng đen, hiệu COROLLA bị cáo T thừa nhận bỏ chiếc đồng hồ vào người cũng nhằm sử dụng vào mục đích trộm cắp tài sản nên áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 47 BLHS năm 2015 tịch thu tiêu hủy.

[9] Đối với số tiền thu giữ của bị cáo Trần T là 12.278.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu SAMSUNG Galaxy đã qua sử dụng, 01 ví da màu đen. Tài sản này thuộc về quyền sở hữu hợp pháp của bị cáo T, không dùng vào việc trộm cắp nên HĐXX áp dụng điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự hoàn trả cho bị cáo T.

[10] Đối với số tiền thu giữ của bị cáo Trần M là 1.320.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Iphone X, màu đen, đã qua sử dụng, số tiền này thuộc về quyền sở hữu hợp pháp của bị cáo M, không dùng vào việc trộm cắp nên HĐXX áp dụng điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự hoàn trả cho bị cáo M.

[11] Lời luận tội và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng nêu trong phần nội dung là có căn cứ, phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo như đã phân tích nêu trên nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[12] Về án phí: Bị cáo T và bị cáo M phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và theo quy định tại khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Mỗi bị cáo phải chịu án phí số tiền 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58, điểm h, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Tuyên bố bị cáo Trần T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”. Tuyên phạt bị cáo Trần T 03 (Ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 01/4/2024.

2/ Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58, điểm h, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Tuyên bố bị cáo Trần M phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”. Tuyên phạt bị cáo Trần M 01 (Một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 01/4/2024.

3/ Về trách nhiệm dân sự: Không ai yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4/ Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 47 của BLHS năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 tịch thu tiêu hủy 01 kiểm cộng lực màu vàng đen, hiệu COROLLA đã qua sử dụng (Theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản lập ngày 11/6/2024 giữa Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N và cơ quan cảnh sát điều tra công an thị xã Ngã Năm).

5/ Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 hoàn trả cho bị cáo Trần T số tiền 12.278.000 đồng (Mười hai triệu, hai trăm bảy mươi tám nghìn đồng), số tiền này đang niêm phong tại kho bạc thị xã N theo phiếu nhập kho số 05 ngày 09/4/2024; 01 điện thoại di động hiệu SAMSUNG Galaxy đã qua sử dụng, 01 ví da màu đen (Theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản lập ngày 11/6/2024 giữa Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N và cơ quan cảnh sát điều tra công an thị xã Ngã Năm).

6/ Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 hoàn trả cho bị cáo Trần M số tiền 1.320.000 đồng (Một triệu, ba trăm hai chục nghìn đồng) số tiền này đang niêm phong tại kho bạc thị xã N theo phiếu nhập kho số 05 ngày 09/4/2024; 01 điện thoại di động hiệu Iphone X đã qua sử dụng.

7/ Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và theo quy định tại khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Trần T và Trần M mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

8/ Bị cáo, bị hại có mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền

yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014). Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng;
- Phòng KTNV và THA TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND thị xã Ngã Năm;
- CQĐT công an thị xã Ngã Năm;
- Nhà tạm giữ công an thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QL, NV liên quan đến vụ án;
- UBND xã L, huyện M, ST;
- UBND thị trấn G, H.G, KG.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký và đóng dấu**

Đặng Thị Vàng

Số: 62/2024/TB-TA

Ngã Năm, ngày 12 tháng 8 năm 2024

THÔNG BÁO SỬA CHỮA, BỔ SUNG BẢN ÁN

Căn cứ vào các Điều 45, 260 và 261 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Xét thấy bản án hình sự sơ thẩm số 32/2024/HSST ngày 23/7/2024 của Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng (bị cáo Trần t và Trần m) có sai sót, cần được sửa chữa, bổ sung như sau:

1. Tại dòng thứ 02 từ trên xuống trang 2 của Bản án sơ thẩm nêu trên đã ghi: “Nhân thân: Có án tích; Bị cáo bị tạm giam từ ngày 01/4/2024 đến nay....”.

Nay được sửa chữa, bổ sung như sau: “Nhân thân: Có án tích; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 28/3/2024 đến 03/4/2024 chuyển sang tạm giam đến nay....”

2. Tại dòng thứ 12 từ trên xuống trang 2 của Bản án sơ thẩm nêu trên đã ghi: “..... Có án tích; Bị cáo bị tạm giam từ ngày 01/4/2024 đến nay....”.

Nay được sửa chữa, bổ sung như sau: “..... Có án tích; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 29/3/2024 đến 01/4/2024 chuyển sang tạm giam đến nay....”

3. Tại các dòng thứ 06, 07 từ trên xuống trang 7 của Bản án sơ thẩm nêu trên đã ghi: “bị cáo Trần T 03 (Ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 01/4/2024”.

Nay được sửa chữa, bổ sung như sau: “bị cáo Trần T 03 (Ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 28/3/2024”

4. Tại các dòng thứ 12, 13 từ trên xuống trang 7 của Bản án sơ thẩm nêu trên đã ghi: “bị cáo Trần M 01 (Một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 01/4/2024”.

Nay được sửa chữa, bổ sung như sau: “bị cáo Trần M 01 (Một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 29/3/2024”.

Nơi nhận:

- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng;
- Phòng KTNV và THA TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND thị xã Ngã Năm;
- CQĐT công an thị xã Ngã Năm;
- Nhà tạm giữ công an thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QL, NV liên quan đến vụ án;
- UBND xã L, huyện M, ST;
- UBND thị trấn G, H.G, KG.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
Đã ký và đóng dấu**

Đặng Thị Vàng